

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

TẠP CHÍ LÝ LUẬN - KHOA HỌC GIÁO DỤC * BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tập 24 (Số đặc biệt 2)

Tháng 2/2024



ISSN 2354-0753



ISSN 2354-0753

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

TẠP CHÍ LÝ LUẬN - KHOA HỌC GIÁO DỤC • BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Năm thứ hai mươi tư

Tổng Biên tập
NGUYỄN TIẾN TRUNG

Phó Tổng Biên tập
HÀ VĂN DŨNG

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PHẠM MINH HẠC
TRẦN VĂN NHUNG
NGUYỄN VINH HIỂN
ĐINH QUANG BÁO
NGUYỄN ĐỨC CHÍNH
NGUYỄN THỊ CÔI
CHOKCHAI YUENYONG
PHẠM TẤT DONG
DOROTHY I-RU CHEN
ĐẶNG VĂN ĐỨC
CAO CỰ GIÁC

NGUYỄN THỊ MỸ LỘC
HAMID CHAACHOUA
HANS-GEORG WEIGAND
LÊ HUY HOÀNG
NGUYỄN THANH HÙNG
MASARU TAKIGUCHI
BÙI VĂN NGHỊ
NGUYỄN QUANG NINH
THÁI VĂN THÀNH
ĐỖ HƯƠNG TRÀ
NGUYỄN THỊ MỸ TRINH

VŨ DŨNG
NGUYỄN CÔNG KHANH
TRẦN QUỐC THÀNH
NGUYỄN QUÝ THANH
HUỖNH VĂN SƠN

PHẠM VĂN ĐỨC
LÊ NGỌC HÙNG
TRẦN VĂN PHÒNG
TRẦN MINH TRƯỜNG
PHẠM QUỐC THÀNH

Trụ sở: Số 4 Trại Hoà Đức, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, Hà Nội

Website: <https://tapchigiaoduc.edu.vn>; <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn>

Email: tapchigiaoduc@moet.gov.vn

Ban Biên tập: (024) 62597855; Email: banbientap@moet.edu.vn

Ban Thu ký Tòa soạn: (024) 62598022; Email: banthuki@moet.gov.vn

Ban Trại sự: (024) 62598109; Email: bantrisu@moet.gov.vn

Tài khoản: 0021000378986 - Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Hà Nội

Trình bày: Quang Linh - Hoàng Mai

Giấy phép xuất bản: 22/CBC-QLBC ngày 05/01/2024

In tại: Hà Nội



<https://tapchigiaoduc.edu.vn>



<https://vje.vn>

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GẮN VỚI MỤC TIÊU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Điền Thị Tú Uyên*,
Khúc Thị Hiền,
Dương Thị Thanh,
Bùi Thanh Xuân,
Đinh Thị Bích Hậu,
Nguyễn Hoài Thanh,
Lô Việt Hưng,
Lô Thị Ngọc

Trường Đại học Tây Bắc

+Tác giả liên hệ • Email: tuyen@utb.edu.vn

Article history

Received: 28/11/2023

Accepted: 08/01/2024

Published: 20/02/2024

Keywords

Scientific research activities,
students, educational
innovation, primary
education

ABSTRACT

Pedagogical students' scientific research activities are an important part of the learning process, helping them approach educational practices and grasp new teaching trends. However, at Tay Bac University, students' scientific research activities have just begun, the number of students' scientific research projects is not much, and the quality and applicability are not high. This practice requires research, analysis of difficulties and limitations, and finding solutions to link student research with the goal of reforming primary education. The article analyzes the current situation of scientific research activities of students majoring in Primary Education, Tay Bac University through a survey of the university's students and teachers of primary schools in Son La and Dien Bien provinces; from there, proposes some solutions to promote scientific research of students associated with the goal of reforming primary education in mountainous areas. Implementing the solutions well will promote the role and application of science and technology resources in universities in educational innovation in general and primary education in mountainous provinces in particular.

1. Mở đầu

Những năm qua, với vai trò là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực GV tiểu học cho khu vực Tây Bắc và các tỉnh lân cận, Trường Đại học Tây Bắc đã chủ động tiếp cận với chủ trương đổi mới giáo dục phổ thông (theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 do Bộ GD-ĐT ban hành). Màng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học (NCKH) của giảng viên (GV) và sinh viên (SV) đang có xu hướng tiếp cận thực tiễn đổi mới giáo dục, bước đầu đạt được những kết quả nghiên cứu có ý nghĩa như động lực thúc đẩy quá trình đổi mới. Tuy nhiên, việc này chỉ mới bắt đầu, qua số liệu thống kê thì số lượng công trình NCKH quan tâm nghiên cứu vấn đề này chưa nhiều, chất lượng và tính ứng dụng chưa cao (Khoa Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc, 2023). Để việc NCKH của SV Trường Đại học Tây Bắc đạt được những giá trị thực tiễn cao hơn, góp phần đổi mới, phát triển giáo dục tiểu học (GDTH) khu vực miền núi, cần nghiên cứu, phân tích những khó khăn, tồn tại, hạn chế, tìm giải pháp gắn NCKH của SV với mục tiêu đổi mới GDTH khu vực miền núi. Đây chính là vấn đề nghiên cứu của bài báo.

Đối với vấn đề NCKH của SV tại các trường đại học, các nghiên cứu đã đề cập ở những góc độ khác nhau như: thực trạng, giải pháp nâng cao năng lực NCKH của SV gắn với thực tiễn (Ninh Thị Bạch Diệp, 2022); gắn chất lượng NCKH của SV với việc đáp ứng được yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay (Đỗ Hương Trà, 2021); sử dụng mô hình NCKH PDCA nhằm nâng cao chất lượng quản lý trong NCKH ở trường đại học (Huỳnh Ngọc Thành và Nguyễn Quang Giao, 2021); khai thác có hiệu quả phần mềm Mendeley để phát triển kỹ năng NCKH nhằm nâng cao chất lượng NCKH cho SV (Trần Trung và cộng sự, 2020); đề xuất giải pháp gắn lý thuyết với thực hành trong đào tạo, NCKH (Trần Trung và cộng sự, 2020); đề xuất cách tiếp cận trong NCKH (Kiều Thị Kính, 2023)... Về vấn đề giáo dục, NCKH ở khu vực miền núi, tác giả Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2022), Hoàng Đức Thành và cộng sự (2023) đã chỉ ra một số nghiên cứu tìm hiểu về chính sách GD-ĐT vùng dân

GẮN VỚI MỤC TIÊU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC TIỂU HỌC VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP

uth.edu.vn

activities are an important part of the educational practices and grasp new university, students' scientific research 'udents' scientific research projects 'ility are not high. This practice limitations, and finding solutions 'orming primary education. The ic research activities of students 'ersity through a survey of the ools in Son La and Dien Bien o promote scientific research 'ning primary education in 'ill will promote the role and universities in educational ountainous provinces in

Tây Bắc và các tỉnh lân cận (theo Chương trình NCKH) của giảng viên được những kết quả rất đầu, qua số liệu và tính ứng dụng trong Đại học Tây Bắc khu vực miền núi mục tiêu đổi mới giáo dục tiểu học

các nhau như: chất lượng đổi mới giáo dục NCKH Mendeley xuất phát từ trong Tuyên truyền

học thiếu số, phân tích vai trò, hiệu quả của việc chuyển giao, ứng dụng KH-CN vào phát triển giáo dục miền núi, nhất là trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay... Việc nghiên cứu về giải pháp gắn NCKH của SV với mục tiêu đổi mới GDTH ở khu vực miền núi (chủ yếu ở Tây Bắc) là vấn đề gắn với đặc thù của địa bàn nghiên cứu chưa có đề cập thiết và quan trọng.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khảo sát thực trạng công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên gắn với mục tiêu đổi mới giáo dục tiểu học

2.1.1. Khảo sát chung về khảo sát 78 SV ngành GDTH về sự hiểu biết của SV đối với nội dung đổi mới GDTH; mức độ quan tâm NCKH của SV về nội dung đổi mới GDTH; 115 GV tiểu học về đánh giá của họ về giá trị thực tiễn trong các hoạt động NCKH gắn với đổi mới GDTH của SV tại các trường tiểu học.

- Phương pháp khảo sát: Sử dụng phiếu điều tra.

- Thang đánh giá kết quả thực trạng: + Thang đo thứ hạng được sử dụng để đánh giá kết quả về sự hiểu biết, mức độ quan tâm của SV đối với nội dung đổi mới GDTH và việc NCKH gắn với đổi mới GDTH gồm: Rất hiệu biểu/ Bình thường/ Không có ý nghĩa thực tiễn; + Thang đo nhị phân được sử dụng để đánh giá việc SV đã thực hiện NCKH hay chưa, gồm: Đã nghiên cứu/ Chưa nghiên cứu. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng yêu cầu nêu ý kiến đóng góp của SV để làm cơ sở đánh giá nhu cầu NCKH gắn với đổi mới GDTH.

2.1.2. Kết quả khảo sát sinh viên ngành Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Tây Bắc

Phiếu khảo sát tìm hiểu sự hiểu biết, mức độ quan tâm về đổi mới GDTH theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 dành cho SV năm thứ 4 (năm cuối) ngành GDTH đã thu được 78 phiếu trả lời. Kết quả thu được như sau:

- Đối với câu hỏi "Em có hiểu biết về đổi mới GDTH theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở mức độ nào?" Có 2,6% SV cho rằng mình rất hiểu biết, 54,5% SV tự nhận thức là có hiểu biết, 42,9% tự nhận thức là bình thường.

- Đối với câu hỏi "Em thấy việc quan tâm đến nội dung đổi mới GDTH theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 có tầm quan trọng như thế nào đối với nghề nghiệp của mình trong tương lai?" Có 62,8% SV đánh giá là rất quan trọng, 33,3% cho là quan trọng, chỉ 3,9% cho là bình thường.

- Đối với câu hỏi "Em đã từng NCKH về đổi mới chương trình, đổi mới sách giáo khoa theo Chương trình giáo dục phổ thông chưa?" Có 65,4% SV đã từng NCKH về đổi mới chương trình, sách giáo khoa và 34,6% SV chưa từng NCKH về đổi mới chương trình, sách giáo khoa.

- Đối với câu hỏi Nếu được NCKH về đổi mới chương trình, đổi mới sách giáo khoa theo Chương trình giáo dục phổ thông, chọn vấn đề nào? Nhiều câu trả lời được đưa ra, các vấn đề được SV quan tâm nhiều là đổi mới có ảnh hưởng tích cực như thế nào đến HS.

2.1.3. Kết quả khảo sát giáo viên tiểu học

Phiếu khảo sát đối với GV tiểu học (đang công tác tại các trường tiểu học trên địa bàn 2 tỉnh Sơn La và Điện Biên) tập trung vào đánh giá và mong muốn của các GV về giá trị thực tiễn mà các NCKH của SV Trường Đại học Tây Bắc đem lại khi nghiên cứu vấn đề liên quan đến đổi mới GDTH hiện nay đã thu được 115 phiếu trả lời.

- Đối với câu hỏi "SV ngành GDTH, Trường Đại học Tây Bắc đã từng đến NCKH ở trường của thầy, cô?" Có 32,2% GV trả lời có; có 67,8% GV trả lời chưa/không có.

- Đối với câu hỏi (không bắt buộc phải trả lời): "Đối với những đề tài NCKH từng nghiên cứu ở trường của thầy cô, thầy cô thấy ý nghĩa thực tiễn của các đề tài này qua thực nghiệm sư phạm đạt mức độ nào?" Trong số 110 câu trả lời, có 20 GV (18,2%) chọn có ý nghĩa thực tiễn cao, có 68 GV cho rằng có ý nghĩa thực tiễn (61,8%), có 17 GV (15,5%) chọn mức độ bình thường, 4 GV (3,6%) chọn ít có nghĩa thực tiễn, 1 GV (0,9%) cho là không có ý nghĩa thực tiễn.

- Đối với câu hỏi "Thầy, cô cho biết tầm quan trọng của các vấn đề chủ yếu mà SV tập trung nghiên cứu từ năm 2020-2023 sau đây đạt đến mức độ nào?" (Gồm các vấn đề chủ yếu: + Nghiên cứu thích ứng của HS tiểu học với Chương trình giáo dục phổ thông 2018; + Nghiên cứu phát triển năng lực dạy học; ứng dụng các kỹ thuật dạy học tích cực cho HS tiểu học theo mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở các môn học cụ thể...; + Nghiên cứu, quản lý quá trình đánh giá HS tiểu học; + Nghiên cứu giáo dục phẩm chất, giáo dục ứng xử cho HS tiểu học qua

tích hợp liên môn, hoạt động trải nghiệm...), có 57 GV (40,7%) chọn mức độ rất quan trọng; có 77 GV (55%) chọn mức độ quan trọng; có 6 GV (4,3%) chọn mức độ bình thường.

- Đối với câu hỏi: “*Thầy cô có gợi ý gì cho SV trong việc nghiên cứu về các nội dung đổi mới GDTH theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhằm bảo đảm phù hợp với thực tiễn giáo dục, dạy học ở trường tiểu học?*” các thầy, cô đã gợi ý chủ yếu theo hướng vận dụng đổi mới phù hợp với từng đối tượng HS, với các trường vùng khó khăn, với các đối tượng trẻ em dân tộc thiểu số...

2.1.3. Đánh giá chung

Từ việc phân tích kết quả khảo sát thực tiễn, rút ra vấn đề còn tồn tại, có thể thấy:

- Về phía SV: Kết quả trưng cầu ý kiến của SV cho thấy: (1) SV chưa có nhiều hiểu biết về đổi mới GDTH theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018; (2) SV chưa được định hướng một cách hệ thống, bài bản về tiếp cận thực tiễn đổi mới GDTH hiện nay trong NCKH.

- Về phía GV tiểu học: Kết quả trưng cầu ý kiến của GV cho thấy: (1) Các NCKH của SV Trường Đại học Tây Bắc về đổi mới GDTH tại các trường tiểu học còn rất ít; (2) Tính thực tiễn của đề tài NCKH chưa cao, bộc lộ khả năng tiếp cận nội dung đổi mới GDTH ở các trường còn hạn chế.

2.2. Đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên gắn với mục tiêu đổi mới giáo dục tiểu học khu vực miền núi

2.2.1. Đổi mới công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Để đổi mới công tác này, trước hết cần cập nhật Quy định hoạt động NCKH của SV (hiện nay vẫn đang sử dụng Quy định hoạt động NCKH của SV được ban hành từ năm 2013). Quy định này đã cũ, không còn tính cập nhật những thay đổi trong giai đoạn mới, ảnh hưởng đến phương pháp quản lý hoạt động NCKH của SV, tạo nên sự trì trệ trong quy trình quản lý. Để khắc phục hạn chế trong công tác quản lý hoạt động NCKH của SV, trước hết, cần chỉnh sửa Quy định, xác định NCKH là nhiệm vụ trọng yếu nhằm “tạo ra động lực phát triển, hướng đến đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học và được các tổ chức kiểm định chất lượng quốc gia, quốc tế công nhận” (Trường Đại học Tây Bắc, 2011). Mặt khác, cũng cần xác định đây là nhiệm vụ trọng yếu “sản sinh tri thức mới” và đóng góp có tính động lực cho sự phát triển của xã hội. Đồng thời, xây dựng được cơ chế khuyến khích, thúc đẩy các hoạt động sáng tạo trong NCKH thay vì chỉ cộng điểm vào kết quả học tập; xây dựng cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị trong và ngoài trường để thực hiện chuyển giao kết quả nghiên cứu. Nhà trường cũng cần có các giải pháp đẩy mạnh công tác đào tạo nhân lực theo mô hình gắn lý luận với thực hành, phát triển năng lực của người học để làm cơ sở cho việc nâng cao chất lượng NCKH của SV.

Về góc độ quản lý trực tiếp hoạt động NCKH của SV, đơn vị đào tạo SV cần nghiên cứu, đề ra phương thức quản lý một cách hệ thống, từ việc xác định sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cơ bản của Nhà trường đến việc phân tích nhu cầu NCKH của SV; phân tích môi trường nghiên cứu để làm tốt công tác định hướng, tư vấn NCKH cho SV. Việc phân tích môi trường nghiên cứu sẽ là tiền đề để đơn vị nắm bắt được bối cảnh, tình hình, nhu cầu thực tiễn, hiểu được khó khăn, nhu cầu của các trường tiểu học khu vực miền núi trong đổi mới GDTH, tránh được tình trạng SV lựa chọn tiếp cận vấn đề nghiên cứu một cách bột phát hay mơ hồ, ảnh hưởng đến chất lượng nghiên cứu và hiệu quả ứng dụng của công trình khoa học.

Mặt khác, để công tác NCKH của SV thực sự đạt hiệu quả, đơn vị cần có sự chỉ đạo đồng bộ các bộ phận hỗ trợ SV. Thay vì chỉ duy trì mô hình GgV hướng dẫn - SV nghiên cứu, đơn vị cần có thêm mô hình GgV - SV “hợp tác nghiên cứu”. Mô hình này rất thích hợp với việc hướng dẫn SV viết bài báo khoa học. Ở đó, GgV thể hiện vai trò của mình như một người đồng hành: tìm hiểu thực tiễn, xây dựng kế hoạch, kiểm soát tình hình, khuyến khích ý tưởng, hướng dẫn quy trình, đánh giá kết quả. Đồng thời, các seminar, hội nghị NCKH cấp đơn vị sẽ là diễn đàn khoa học hữu hiệu hỗ trợ SV trong công tác nghiên cứu.

2.2.2. Đổi mới công tác định hướng, tư vấn, hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho sinh viên

- *Định hướng, tư vấn NCKH theo mục tiêu tiếp cận thực tiễn đổi mới GDTH tại các trường tiểu học miền núi*

Trong công tác định hướng, tư vấn, cần quan tâm đặc biệt đến mục tiêu đổi mới và phát triển giáo dục khu vực miền núi. Một trong những định hướng quan trọng trong nhiệm vụ phát triển giáo dục khu vực miền núi giai đoạn 2021-2030 là tập trung ưu tiên nghiên cứu và ứng dụng góp phần chuyển giao KH-CN ở vùng dân tộc và miền núi trong giai đoạn hiện nay. Để công trình NCKH của SV có giá trị thực tiễn, đóng góp vào mục tiêu đổi mới GDTH ở khu vực miền núi, các vấn đề đa dạng hoá hình thức tổ chức dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện yêu cầu đổi mới giáo dục... là các vấn đề chính yếu cần quan tâm định hướng cho SV lựa chọn.

(40,7%) chọn mức độ rất quan trọng, có 71,0% chọn mức độ quan trọng, 28,0% chọn mức độ không quan trọng. Kết quả nghiên cứu về các nội dung đổi mới GDTH ở trường tiểu học vùng núi để định hướng, tư vấn NCKH cho SV một cách hệ thống, phù hợp; (2) Đa dạng hoá các mô hình định hướng, tư vấn NCKH của SV với đổi mới GDTH ở khu vực miền núi, cần có sự thay đổi tư duy quản lí. Cụ thể: (1) Thành lập Nhóm tư vấn NCKH trong đơn vị, chịu trách nhiệm nghiên cứu, hoạch định phương hướng hoạt động KH-CN, xây dựng kế hoạch hoạt động, phân tích các mũi nhọn nghiên cứu hướng đến đổi mới GDTH khu vực miền núi để định hướng, tư vấn NCKH theo mục tiêu tiếp cận thực tiễn đổi mới GDTH tại các trường tiểu học miền núi, cần lưu ý:

Định hướng, tư vấn lựa chọn vấn đề nghiên cứu liên quan đến đổi mới GDTH qua việc cho SV tiếp cận với các hoạt động như nghiên cứu lí luận về đổi mới GDTH; thực hành nghiệp vụ sư phạm; kết nối và phục vụ cộng đồng tại các trường tiểu học. Khi định hướng, cần giúp SV hiểu rõ sự cần thiết phải nghiên cứu, tìm giải pháp khắc phục những khó khăn đặc thù đối với nhiều trường tiểu học vùng sâu vùng xa, cải tạo, nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục, dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS. Ưu tiên các vấn đề thích ứng của HS dân tộc thiểu số miền núi với Chương trình giáo dục phổ thông 2018; ứng dụng các kĩ thuật dạy học tích cực; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, áp dụng giáo dục STEM vào hoạt động học tập của HS...

Định hướng, tư vấn tìm vấn đề nghiên cứu liên quan đến đổi mới GDTH qua tìm hiểu, nắm bắt, phân tích của GV khi tham gia các hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên môn cùng GV tiểu học. Đặc biệt, cần quan tâm đến những khó khăn trong thực tiễn mà GV tiểu học miền núi thường gặp phải như việc ứng dụng các kĩ thuật dạy học tích cực vào dạy đổi tượng HS còn hạn chế về trình độ tiếp nhận hay khó khăn trong tổ chức các hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM cho HS do điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn. Từ đó, GgV có định hướng, tư vấn cần thiết cho SV trong quá trình lựa chọn vấn đề nghiên cứu.

Tuyển chọn đề xuất NCKH
Đây là bước quan trọng để chọn được hướng nghiên cứu sát với thực tiễn, đáp ứng được yêu cầu về tính ứng dụng, thực tiễn của các công trình nghiên cứu. Khi thực hiện tuyển chọn đề xuất, hội đồng tuyển chọn cần bảo đảm sự giám sát khoa học trong việc tuyển chọn đề "lọc" vấn đề nghiên cứu cho sát. Để ghi nhận những mối quan tâm của SV đối với thực tiễn dạy học, giáo dục ở trường tiểu học, khuyến khích, định hướng để SV hiểu và lựa chọn được vấn đề nghiên cứu phù hợp, hội đồng nên tăng cường tư vấn trong tuyển chọn. Ở bước này, thay vì loại luôn các đề xuất không đủ điều kiện thì hội đồng nên tăng cường tư vấn để SV có thể có tiếp cận phù hợp với vấn đề nghiên cứu. Nhà trường cũng cần phân tích, định hướng, tư vấn của hội đồng sẽ giúp SV có thêm cơ hội cân nhắc, lựa chọn tiếp cận với vấn đề nghiên cứu phù hợp.

Hướng dẫn NCKH
Sau khi đề tài NCKH được phê duyệt thực hiện, SV tiến hành khảo sát thực tiễn. Giai đoạn khảo sát thực tiễn là cơ hội để SV tiếp cận sâu với địa bàn nghiên cứu. Thông qua khảo sát, SV sẽ có cái nhìn nhiều chiều về các phương diện hoạt động giáo dục của nhà trường, thu thập được các dữ liệu để phân tích, đánh giá được thuận lợi, khó khăn, thực trạng công tác đổi mới giáo dục ở các nhà trường. Ở bước này, GgV cần hướng dẫn SV cách thu thập nguồn dữ liệu bảo đảm đánh giá sát thực tế. Dù từ năm 2020 trở lại đây, các trường tiểu học đều đã được tiếp cận với đổi mới chương trình, sách giáo khoa, đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục, phương pháp kiểm tra, đánh giá theo mục tiêu, quan điểm của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhưng nhiều trường tiểu học ở miền núi vẫn gặp khó khăn, vướng mắc trong công tác triển khai. Việc thu thập dữ liệu sát thực tế sẽ giúp SV có sự phân tích, đánh giá trong đề cương nghiên cứu, SV mong muốn xây dựng phân tích được đầy đủ các yếu tố khách quan, chủ quan tác động, ảnh hưởng đến quá trình thực nghiệm. GgV cần đặc biệt quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ SV dựng một khung đề cương nghiên cứu có tính tổng thể nhất, bảo đảm phân tích đầy đủ các yếu tố có thể ảnh hưởng làm cho đề tài chưa có tính thực tiễn, tính khả thi.

Khi hướng dẫn SV đề xuất giải pháp cải tạo thực tiễn, GgV đặc biệt lưu ý SV về tính thực tiễn, khả thi của các giải pháp. Vì tiếp cận với lí luận là chủ yếu, SV thường có xu hướng muốn lý tưởng hoá các hoạt động giáo dục, dạy học. Điều này có ý nghĩa khoa học cao nhưng có thể giảm tính thực tế. Ví dụ: khi đề xuất giải pháp áp dụng các thiết bị điện tử hiện đại để tăng cường trải nghiệm, tích cực hoá quá trình học tập của HS, SV có thể hướng đến điều kiện lí tưởng nhưng ở các trường tiểu học vùng sâu vùng xa không có đủ cơ sở vật chất, không có mạng Internet... rất khó vận dụng. GgV cần định hướng cho SV có những đề xuất phù hợp nhất với điều kiện của nhà trường. Đồng thời, hướng dẫn, hỗ trợ SV nghiên cứu để có giải pháp vận dụng, thay thế linh hoạt, sáng tạo để vẫn bảo đảm nâng cao

chất lượng học tập của HS. Những ý tưởng mới mẻ, đột phá có thể có giá trị ứng dụng đối với các trường tiểu học vùng khó.

Để đánh giá tính thực tiễn, tính khả thi của các kết quả nghiên cứu, SV cần trải qua bước thực nghiệm. Ở bước này, GV cần định hướng, hỗ trợ SV đánh giá cụ thể, chính xác kết quả thực nghiệm. Đánh giá cần cụ thể, chính xác ở các phương diện: + Các giải pháp đề xuất khi đưa vào thực nghiệm có phù hợp với thực tiễn dạy học ở các trường tiểu học miền núi, phù hợp với đối tượng HS không? + Việc dụng thực nghiệm có được đối sánh (đối chứng và thực nghiệm) không? + Kết quả đạt được trong đối sánh như thế nào? + Kết quả của đối tượng thực nghiệm (về mặt định lượng, định tính) đạt được ở mức độ nào? + Kết quả thực nghiệm có đóng góp cụ thể nào cho việc thực hiện đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động dạy học của các trường tiểu học là địa bàn nghiên cứu? + Kết quả thực nghiệm phản ánh những vấn đề gì trước, trong, sau nghiên cứu cần tiếp tục khắc phục hoặc phát triển?

2.2.3. Tăng cường mối liên hệ giữa đơn vị đào tạo và các trường tiểu học khu vực miền núi

Kết quả trưng cầu ý kiến GV tiểu học cho thấy một thực tế là mối liên hệ giữa đơn vị đào tạo và SV với các trường tiểu học còn lỏng lẻo, chủ yếu tập trung vào nhiệm vụ rèn luyện nghiệp vụ sư phạm chứ chưa quan tâm đến nhiệm vụ NCKH. Để thúc đẩy NCKH của SV gắn với mục tiêu đổi mới GDTH tại các trường, cần tăng cường mối liên hệ, trao đổi về công tác chuyên môn để làm cơ sở công tác NCKH. Các hình thức trao đổi có thể phối hợp thực hiện là hội thảo, seminar, báo cáo chuyên đề khoa học... Đây là mô hình cần thiết và có khả năng mang lại nhiều lợi ích cho cả 2 phía.

Bên cạnh đó, cũng cần tăng cường định hướng, tư vấn, rèn luyện kĩ năng mềm cho SV để các em chủ động tiếp cận với GV, HS, với nhà trường, tìm cơ hội tiếp cận với các vấn đề nghiên cứu cấp thiết nhất thông qua các hoạt động mà các em tham gia tại trường tiểu học. Cần khuyến khích, biểu dương SV xây dựng và thực hiện các dự án hỗ trợ cộng đồng tại các trường tiểu học, tạo cơ hội chủ động tiếp cận thực tiễn, tăng cường nguồn tư liệu phục vụ NCKH về đổi mới giáo dục tại các nhà trường.

2.2.4. Nghiên cứu hình thức hỗ trợ, chuyển giao kết quả nghiên cứu cho các trường tiểu học khu vực miền núi

Trên thực tế, các đề tài NCKH của SV sau khi đánh giá, nghiệm thu mới chỉ dừng ở phạm vi tài liệu tham khảo tại Trung tâm Thông tin - Thư viện của Trường hoặc tiếp tục tham gia dự thi các giải thưởng NCKH. Trong khi đó, nhiều đề tài NCKH của SV có tính thời sự, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao, cung cấp những sản phẩm nghiên cứu mới, có giá trị, hoàn toàn đủ điều kiện để ứng dụng trong thực tiễn các trường tiểu học miền núi. Ví dụ: đề tài nghiên cứu về phát triển năng lực tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số với thiết kế *Thẻ phát triển ngôn ngữ*, đề tài nghiên cứu về truyền thông dinh dưỡng học đường với thiết kế sản phẩm truyền thông như tờ rơi, video, các chương trình truyền thông... Với mục tiêu quan trọng "đưa nhanh tiến bộ khoa học kĩ thuật vào miền núi" nhằm ưu tiên đẩy mạnh phát triển KT-XH khu vực này, việc hỗ trợ và chuyển giao kết quả nghiên cứu phục vụ quá trình đổi mới GDTH ở các trường tiểu học miền núi là rất cần thiết.

Cần nghiên cứu xây dựng một cơ chế phối hợp giữa đơn vị đào tạo là Trường Đại học Tây Bắc và các trường tiểu học để tiến hành chuyển giao kết quả nghiên cứu. Do các sản phẩm nghiên cứu của SV là sản phẩm giáo dục nên việc chuyển giao nên thực hiện theo hình thức hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. SV sẽ tặng các sản phẩm nghiên cứu của đề tài cho các trường tiểu học có nhu cầu, kết hợp hỗ trợ, hướng dẫn cách sử dụng hoặc cách phát triển các sản phẩm đó trong thực tiễn dạy học, giáo dục của nhà trường. Hoạt động này vừa phát huy được vai trò của đơn vị đào tạo trong hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng vừa tận dụng được giá trị thực tế của các sản phẩm NCKH, tránh lãng phí nguồn nhân lực KH-CN, đồng thời cũng tạo cơ hội để nâng cao chất lượng ứng dụng trong NCKH của SV.

3. Kết luận

Với sứ mạng "là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, là trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ, triển khai các dịch vụ kĩ thuật phục vụ phát triển KT-XH của vùng Tây Bắc" Trường Đại học Tây Bắc ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao công nghệ để góp phần phát triển KT-XH các tỉnh miền núi Tây Bắc. Các hoạt động KH-CN của SV Trường Đại học Tây Bắc cũng là một nguồn lực rất quan trọng. Các công trình NCKH này, xét trên nhiều phương diện giá trị khoa học và giá trị thực tiễn đều đã và đang thể hiện một sự tiếp cận nghiêm túc, một mong muốn đưa những ý tưởng mới mẻ, sáng tạo vào thực tiễn, khắc phục, cải tạo thực tiễn, phát triển cuộc sống, tạo nên những đổi thay mạnh mẽ khu vực miền núi, vùng dân tộc thiểu số. Riêng đối với lĩnh vực giáo dục ở miền núi, GDTH là một trong những yếu tố chủ chốt. Các NCKH dựa trên cơ sở phân tích những khó khăn, thách thức và nhu cầu thực tế của các trường tiểu học miền núi khi triển khai Chương trình GDTH mới đề xuất các giải pháp vận dụng phù hợp, hiệu quả. Đồng thời, các NCKH này cũng là những gợi mở về cơ hội đổi mới, phát triển GDTH vùng khó.

Để đạt được mục tiêu có ý nghĩa khoa học và nhân văn này, các giải pháp gắn việc NCKH của SV với đổi mới GDTH cho SV; sự tăng cường mối liên hệ giữa đơn vị đào tạo và các trường tiểu học khu vực miền núi cùng với việc nghiên cứu hình thức hỗ trợ, chuyển giao kết quả nghiên cứu cho các trường tiểu học khu vực miền núi là những giải pháp quan trọng thúc đẩy chất lượng của nguồn lực khoa học và bảo đảm sự phát triển mạnh mẽ, bền vững giáo dục miền núi.

Tài liệu tham khảo

- Đỗ Hương Trà (2021). Quy trình đào tạo gắn lý thuyết với thực hành, khoa học cơ bản với khoa học chuyên ngành và nghiên cứu giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, 493(1), 1-7.
- Hoàng Đức Thành, Nguyễn Duy Dũng, Phạm Đình Chiến (2023). Tập trung ưu tiên nghiên cứu và ứng dụng góp phần chuyển giao khoa học công nghệ ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, 12(1), 61-68.
- Huỳnh Ngọc Thành, Nguyễn Quang Giao (2021). Đánh giá thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học theo mô hình PDCA (Plan - Do - Check - Act) trong một số trường đại học Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục*, 505(1), 54-59.
- Khoa Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc (2023). *Báo cáo tổng kết hoạt động Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2020-2023* (tài liệu lưu hành nội bộ).
- Kiều Thị Kính (2023). Tiếp cận “khoa học công dân” trong nghiên cứu khoa học: Nghiên cứu tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. *Tạp chí Giáo dục*, 23(11), 47-52.
- Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2022). Nghiên cứu chính sách giáo dục, đào tạo vùng dân tộc thiểu số và đề xuất giải pháp chính sách giai đoạn 2021-2030. *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, 11(4), 47-52.
- Ninh Thị Bạch Diệp (2022). Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên Trường Đại học Tân Trào trong đào tạo theo tín chỉ. *Tạp chí Giáo dục*, 22(9), 34-39.
- Trần Trung, Nguyễn Chí Thành, Ngô Văn Định (2020). Khai thác phần mềm Mendeley trong phát triển một số kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên sư phạm. *Tạp chí Giáo dục*, 489, 9-13.
- Trường Đại học Tây Bắc (2011). *Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2011-2022, tầm nhìn đến năm 2030* (tài liệu lưu hành nội bộ).
- Trương Thị Bích (2022). Một số biện pháp phát huy vai trò của nghiên cứu khoa học trong đào tạo giáo viên. *Tạp chí Giáo dục*, 22(10), 18-22.